

**TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM
CÔNG TY
CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẮP KHÍ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 12 /TTr-HĐQT

Tân Thành, ngày 11 tháng 6 năm 2010

TỜ TRÌNH

V/v: Thông qua Quy chế quản trị của Công ty.

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2010

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 được Quốc hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29/11/2005;
- Căn cứ Điều lệ của Công ty CP đầu tư và xây lắp khí đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 24/6/2009.
- Căn cứ Nghị quyết số 03/ĐHĐCĐ-PVID ngày 24/6/2009 của Đại hội đồng cổ đông Công ty.

Để bảo vệ quyền lợi của các cổ đông, đảm bảo tính minh bạch và quản lý rủi ro đồng thời HĐQT, Ban tổng giám đốc kiểm soát Công ty có hiệu quả, Công ty đã soạn thảo Quy chế quản trị. Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT.

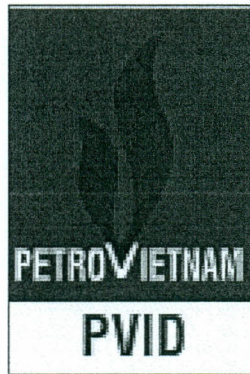
**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



[Handwritten signature]

CHỦ TỊCH
Lê Tiến Dũng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc



QUY CHẾ QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẮP KHÍ

Tân Thành, tháng 06/2010

Tân Thành, ngày tháng 06 năm 2010

QUY CHẾ QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẮP KHÍ

(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-ĐHĐCĐ ngày tháng năm 2010
của Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Khí)

CHƯƠNG I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Ý nghĩa và phạm vi điều chỉnh

Quản trị Công ty là tập hợp những cơ chế, quy định thông qua đó Công ty được điều hành và kiểm soát nhằm đảm bảo lợi ích tốt nhất của cổ đông và quyền lợi của những người liên quan đến Công ty.

Quản trị Công ty tạo lập một khuôn khổ cho các mối quan hệ giữa các Cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng giám đốc và những người liên quan khác của Công ty. Các nguyên tắc quản trị Công ty đặt ra các quy trình, thủ tục ban hành các quyết định điều hành trong Công ty, nhằm giảm thiểu rủi ro, nâng cao hiệu quả và đảm bảo tính minh bạch đối với các hoạt động của Công ty.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. Những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

“**Quản trị công ty**” là hệ thống các quy tắc để đảm bảo cho Công ty được định hướng điều hành và được kiểm soát một cách có hiệu quả vì quyền lợi của cổ đông và những người liên quan đến Công ty.

“**Công ty**” là Công ty cổ phần đầu tư và xây lắp khí.

“**Đại hội đồng cổ đông - ĐHĐCĐ**” là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty và có các quyền và trách nhiệm qui định theo Điều lệ của Công ty.

“**Hội đồng quản trị - HĐQT**” là cơ quan quản lý Công ty và được điều chỉnh bởi các chuẩn mực cao nhất về quản trị, điều hành doanh nghiệp và chịu trách nhiệm quản lý Công ty vì các quyền lợi tốt nhất cho tất cả các cổ đông

“**Ban Kiểm soát -BKS**” là cơ quan chịu trách nhiệm giám sát tình hình hoạt động Công ty và trợ giúp HĐQT quản lý Công ty.

“**Cán bộ quản lý cấp cao**” bao gồm các vị trí Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các cán bộ quản lý khác trong công ty được HĐQT phê chuẩn. Trong đó, Tổng giám đốc là người chịu trách nhiệm điều hành các hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty, chịu trách nhiệm trước HĐQT và luật pháp về các quyền hạn và

nghĩa vụ được giao.

Ban Tổng giám đốc bao gồm Tổng giám đốc, các Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng - là cơ quan do HĐQT bổ nhiệm, với chức năng nhiệm vụ được qui định tại Điều lệ tổ chức và Quy chế hoạt động của Công ty.

“**Người có liên quan**” là cá nhân hoặc tổ chức được quy định trong Điều 6.34 của Luật Chứng khoán/ Điều 4.17 của Luật doanh nghiệp.

“**Thành viên HĐQT độc lập không điều hành**” là thành viên HĐQT không phải là Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và những cán bộ quản lý khác được HĐQT bổ nhiệm.

“**Qui chế công bố thông tin**” là qui định về công bố thông tin của Công ty cổ phần đầu tư và xây lắp khí, ban hành theo quyết định số /QĐ-HĐQT ngày.....của Hội đồng quản trị Công ty.

2. Trong quy chế này, các tham chiếu tới một hoặc một số điều khoản hoặc văn bản pháp luật sẽ bao gồm cả những sửa đổi bổ sung hoặc văn bản thay thế các văn bản đó.

Điều 3: Nguyên tắc quản trị công ty

Quản trị công ty được xây dựng với mục đích bảo vệ quyền lợi của cổ đông, đảm bảo tính minh bạch và quản lý rủi ro, trên cơ sở đảm bảo các nguyên tắc:

- a. Tuân thủ các quy định hiện hành của pháp luật;
- b. Đảm bảo một cơ cấu quản trị hiệu quả;
- c. Đảm bảo quyền lợi của cổ đông;
- d. Đối xử công bằng giữa các cổ đông;
- e. Đảm bảo không xung đột quyền lợi với những người có liên quan đến Công ty;
- f. Minh bạch trong hoạt động của Công ty;
- g. HĐQT và Ban Tổng giám đốc lãnh đạo và kiểm soát Công ty có hiệu quả.

CHƯƠNG II CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 4: Quyền và nghĩa vụ của cổ đông

Các quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của cổ đông được quy định tại Điều 13 và Điều 14 – Điều lệ Công ty và có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các quy định liên quan khác của pháp luật Việt Nam.

Điều 5: Đối xử công bằng giữa các cổ đông

- Cổ đông thực hiện đầy đủ các quyền theo pháp luật và Điều lệ Công ty quy định;
- Cổ đông được đối xử công bằng: Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu nó các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các

loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được công bố đầy đủ cho cổ đông và phải được ĐHĐCĐ thông qua.

- Cổ đông lớn không được lợi dụng ưu thế của mình gây tổn hại đến các quyền và lợi ích của Công ty và của các cổ đông khác.

Điều 6: Vai trò và trách nhiệm của cổ đông trong quản trị công ty

1. Các cổ đông sáng lập – các cổ đông đáp ứng đủ các điều kiện qui định trong Điều 13.2 của Điều lệ Công ty có trách nhiệm thực hiện các cam kết về nhận/nhượng cổ phần theo quy định của Điều lệ Công ty và Luật doanh nghiệp.

2. Đề cử thành viên Hội đồng quản trị: Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ đến dưới 10% số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng được đề cử một thành viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử hai thành viên; từ 30% đến dưới 50% được đề cử ba thành viên; từ 50% đến dưới 65% được đề cử bốn thành viên và nếu từ 65% trở lên được đề cử đủ số ứng viên.

3. Đề cử thành viên Ban kiểm soát: Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 0,5% đến dưới 10% số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất (6) tháng được đề cử 1 thành viên; từ 10% đến 20% được đề cử 2 thành viên và nếu từ 20% trở lên được đề cử 3 thành viên.

4. Một cổ đông hoặc nhóm các cổ đông nắm giữ hơn 3% tổng số Cổ phần Phổ thông liên tục từ sáu (6) tháng trở lên ngoài các quyền và nghĩa vụ nêu trên còn có các quyền sau:

- a. Yêu cầu triệu tập họp ĐHĐCĐ;
 - b. Kiểm tra và nhận bản sao hoặc bản trích dẫn danh sách các cổ đông có quyền tham dự và bỏ phiếu tại ĐHĐCĐ;
 - c. Xem xét và trích lục biên bản và các nghị quyết của HĐQT, Báo cáo tài chính giữa năm và hàng năm chuẩn bị theo mẫu của Hệ thống kế toán Việt Nam và các báo cáo của BKS;
 - d. Yêu cầu BKS kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và tuân theo các quy định của Điều 79.2(d) Luật Doanh nghiệp.
5. Cổ đông có các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

Điều 7: Trình tự, thủ tục triệu tập ĐHĐCĐ thường niên và bất thường

1. Hàng năm, Công ty tổ chức ĐHĐCĐ ít nhất một lần. ĐHĐCĐ thường niên phải được triệu tập họp trong thời hạn bốn tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. ĐHĐCĐ thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản

2. HĐQT triệu tập họp ĐHĐCĐ bất thường trong các trường hợp theo quy định tại Điều 19.3 của Điều lệ Công ty hoặc ĐHĐCĐ bất thường được triệu tập theo như qui định trong điều 19.4b hoặc 19.4c của Điều lệ Công ty.

3. Thông báo và gửi thông báo họp ĐHĐCĐ:

a. Thông báo và gửi thông báo họp ĐHĐCĐ cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp. Thông báo họp ĐHĐCĐ phải bao gồm chương trình họp và các thông tin liên quan về các vấn đề sẽ được thảo luận và biểu quyết tại đại hội.

b. Thông báo họp ĐHĐCĐ được thông báo và gửi cho cổ đông theo như qui định trong Điều 19.3 của Điều lệ Công ty.

c. Thông báo họp ĐHĐCĐ phải được gửi đi ít nhất mười năm (15) ngày trước khi tiến hành cuộc họp ĐHĐCĐ. Thông báo họp ĐHĐCĐ phải được đăng tải trên trang web của Công ty cùng với thời điểm gửi thông báo tới các cổ đông.

Điều 8: Cách thức đăng ký họp ĐHĐCĐ

- Các cổ đông có quyền tham dự ĐHĐCĐ theo luật pháp có thể trực tiếp tham dự hoặc ủy quyền cho đại diện của mình tham dự. Việc ủy quyền được thực hiện theo quy định ở Điều 17 của Điều lệ Công ty.

- Vào ngày tổ chức ĐHĐCĐ, trước khi Đại hội bắt đầu, Công ty phải thực hiện thủ tục đăng ký và kiểm tra tư cách cổ đông và thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt được đăng ký hết. Cổ đông đến dự ĐHĐCĐ muộn có quyền đăng ký ngay, sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại đại hội.

Điều 9: Cách thức bỏ phiếu, kiểm phiếu, thông báo kết quả kiểm phiếu tại ĐHĐCĐ.

1. Điều kiện và thể thức tiến hành cuộc họp ĐHĐCĐ, được quy định tương ứng tại Điều 20 và Điều 21 của Điều lệ Công ty. Khi đăng ký tham gia đại hội, mỗi cổ đông hoặc đại diện nhóm cổ đông tham gia biểu quyết, bầu cử được phát các thẻ biểu quyết, thẻ bầu cử đại diện cho số cổ phần sở hữu.

2. Thẻ biểu quyết và cách thức biểu quyết tại ĐHĐCĐ:

a. Nội dung ghi trên mỗi thẻ biểu quyết tương ứng với những vấn đề cần biểu quyết tại Đại hội. Số quyền biểu quyết tương ứng với số cổ phần của cổ đông hoặc đại diện nhóm cổ đông nắm giữ (tỷ lệ 1 cổ phần = 1 quyền biểu quyết);

b. Cổ đông hoặc đại diện nhóm cổ đông tham gia biểu quyết đánh dấu nhân vào một trong 3 ô vuông: “tán thành”, “không tán thành”, hoặc “không có ý kiến” trong thẻ biểu quyết để biểu quyết các nội dung ghi trên mỗi thẻ biểu quyết. Cổ đông hoặc đại diện nhóm cổ đông chỉ được lựa chọn 1 trong 3 ô biểu quyết, ký vào thẻ biểu quyết trước khi nộp cho Ban kiểm phiếu;

c. Thẻ biểu quyết hợp lệ: là các thẻ theo mẫu in sẵn của Công ty phát hành có đóng dấu treo, không được tẩy xóa, cạo, sửa, không viết thêm nội dung khác vào thẻ. Thẻ biểu quyết không hợp lệ là thẻ biểu quyết không đáp ứng được yêu cầu đối với thẻ biểu quyết hợp lệ theo quy định này;

d. Việc biểu quyết được tiến hành bằng cách thu thẻ biểu quyết “tán thành”, sau đó thu thẻ “không tán thành” và cuối cùng là thu thẻ “không có ý kiến”. Tiếp sau đó Ban kiểm phiếu sẽ tiến hành kiểm phiếu lần lượt các thẻ biểu quyết theo từng mục trên;

e. Các thẻ biểu quyết phụ sẽ được sử dụng (nếu cần thiết) để biểu quyết các vấn đề khác phát sinh tại Đại hội.

3. Thẻ bầu cử và cách thức bầu cử tại ĐHĐCĐ:

a. Nội dung ghi trên mỗi thẻ bầu cử tương ứng với danh sách các ứng cử viên bầu vào HĐQT và BKS. Danh sách ứng cử viên, số lượng thành viên được bầu vào HĐQT hoặc BKS được đề xuất và ĐHĐCĐ thông qua theo các qui định ở Điều 23.3, Điều 23.4 và Điều 36.2 của Điều lệ Công ty.

b. Nguyên tắc bầu thành viên HĐQT, BKS phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu bầu cử tương ứng với với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của HĐQT hoặc BKS và cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.

c. Cổ đông hoặc đại diện nhóm cổ đông tham gia bầu cử phải ghi rõ số phiếu bầu cho mỗi ứng viên trong thẻ bầu cử.

d. Thẻ bầu hợp lệ: là các thẻ bầu theo mẫu in sẵn của Công ty phát hành, không được tẩy xóa, cạo, sửa, không bầu quá số người quy định, không được ghi thêm tên người không phải là ứng viên HĐQT hoặc BKS vào thẻ bầu. Tổng số phiếu bầu bầu cho mỗi ứng viên không được vượt quá tổng số phiếu bầu của cổ đông hoặc đại diện cổ đông. Thẻ bầu không hợp lệ là thẻ bầu không đáp ứng được yêu cầu đối với thẻ bầu hợp lệ theo quy định ở trên.

e. Ứng viên trúng cử là ứng viên có số phiếu bầu cao nhất tính từ trên xuống cho đến khi đủ số lượng quy định nhưng phải đạt ít nhất 65% tổng số cổ phần của các cổ đông hoặc đại diện cổ đông tham dự Đại hội chấp thuận.

4. Chủ tọa đại hội sẽ đề cử thành phần Ban kiểm phiếu và thông qua trước đại hội. Số thành viên Ban kiểm phiếu không quá 3 người và phải có ít nhất một (1) người là thành viên Ban Kiểm soát của Công ty.

5. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

Điều 10: Thông qua quyết định của ĐHĐCĐ

ĐHĐCĐ thông qua các quyết định bằng hình thức biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.

1. Biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp

a. Các Quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua khi có ít nhất 65% tổng số quyền biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận.

b. Các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ, loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán, sáp nhập, tái tổ chức và giải thể Công ty, giao dịch bán tài sản Công ty hoặc chi nhánh hoặc giao dịch mua do Công ty hoặc các chi nhánh thực hiện có giá trị từ 50% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty tính theo sổ sách kế toán đã được kiểm toán gần nhất sẽ chỉ được thông qua khi có từ 75% trở lên tổng số phiếu bầu các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông.

2. Thông qua các quyết định bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

a. Trình tự tiến hành, nội dung phiếu lấy ý kiến bằng văn bản được thực hiện như qui định trong Điều 21 của Điều lệ Công ty.

b. HĐQT kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của đại diện Ban Kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty.

c. Quyết định của ĐHĐCĐ được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 75% tổng số phiếu biểu quyết chấp nhận. Biên bản kết quả kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu.

d. Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp ĐHĐCĐ.

Điều 11: Biên bản cuộc họp ĐHĐCĐ

1. Biên bản họp ĐHĐCĐ phải làm xong và thông qua trước khi bế mạc cuộc họp và phải được lưu tại trụ sở chính của Công ty.

2. Chủ tọa cuộc họp ĐHĐCĐ phải chịu trách nhiệm lập biên bản họp và gửi tới các cổ đông trong vòng (15) ngày khi ĐHĐCĐ kết thúc và biên bản này sẽ được xem là minh chứng về các nội dung của cuộc họp, ngoại trừ có sự phản đối được đưa ra một cách hợp lệ đối với nội dung của biên bản họp trong vòng mười (10) ngày kể từ ngày gửi đi.

3. Biên bản họp ĐHĐCĐ, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 12: Thông báo nghị quyết ĐHĐCĐ ra công chúng

Việc thông báo Nghị quyết ĐHĐCĐ ra công chúng tuân thủ các quy định trong Quy chế công bố thông tin của Công ty.

Điều 13: Báo cáo của HĐQT và BKS tại ĐHĐCĐ

Hàng năm, HĐQT và BKS phải lập báo cáo trình ĐHĐCĐ. Báo cáo thường niên của HĐQT/BKS phải có các nội dung sau:

- a. Hoạt động của HĐQT/BKS;
- b. Đánh giá tình hình hoạt động và tài chính của Công ty;
- c. Kết quả giám sát đối với Ban Tổng giám đốc, các cán bộ quản lý.

Ngoài ra, báo cáo của HĐQT cần phải đề cập đến các kế hoạch kinh doanh dự kiến trong tương lai và báo cáo của BKS phải nêu rõ phần đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa BKS với HĐQT, Ban Tổng giám đốc và cổ đông.

CHƯƠNG III THÀNH VIÊN HĐQT VÀ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 14: Thành viên HĐQT và thủ tục đề cử, ứng cử và bầu cử thành viên HĐQT.

1. Tiêu chuẩn và tư cách thành viên HĐQT: Thành viên HĐQT phải đáp ứng đủ các tiêu chuẩn nêu trong Điều 23.2 của Điều lệ Công ty. Thành viên HĐQT sẽ không còn tư cách thành viên HĐQT trong các trường hợp qui định trong Điều 23.5 của Điều lệ Công ty.

2. Ứng cử, đề cử, bầu cử thành viên HĐQT

a. Cách thức đề cử và ứng cử người vào vị trí thành viên HĐQT được quy định tại Điều 23.3 và Điều 23.4 của Điều lệ Công ty;

b. Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT không quá năm (5) năm và thành viên HĐQT được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Thành viên HĐQT của Công ty chỉ được được phép đồng thời là thành viên HĐQT của không quá năm (5) Công ty khác.

c. Việc bầu thành viên HĐQT phải được thực hiện theo qui định trong Điều 9.3 của qui chế này.

3. Trách nhiệm và nghĩa vụ của thành viên HĐQT:

a. Thành viên HĐQT có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì quyền lợi tối cao của cổ đông và Công ty;

b. Thành viên HĐQT phải tham dự đầy đủ các cuộc họp của HĐQT. Thành viên HĐQT được ủy quyền cho người khác dự họp nếu được đa số thành viên HĐQT chấp thuận;

c. Các thành viên HĐQT và những người có liên quan khi thực hiện mua/bán cổ phần của Công ty phải báo cáo UBCKNN, SGDCK và thực hiện công bố thông tin theo quy định;

d. Công khai lợi ích của thành viên HĐQT: Thành viên HĐQT trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết là mình có lợi ích trong đó, sẽ phải công khai bản chất, nội dung của quyền lợi đó trong cuộc họp mà HĐQT lần đầu tiên xem xét vấn đề ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Hoặc thành viên này có thể công khai điều đó tại cuộc họp đầu tiên của HĐQT được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng liên quan.

Điều 15: Hội đồng quản trị

1. Thành phần HĐQT

a. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị ít nhất là năm (05) người và nhiều nhất là mười một (11) người. Tổng số thành viên HĐQT độc lập không điều hành phải chiếm ít nhất một phần ba tổng số thành viên HĐQT.

b. Trong trường hợp một thành viên bị mất tư cách thành viên theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, bị cách chức hoặc vì một lý do nào đó không thể tiếp tục làm thành viên Hội đồng quản trị, Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm người khác thay thế.

Thành viên Hội đồng quản trị thay thế trong trường hợp này phải được biểu quyết thông qua tại Đại hội đồng cổ đông gần nhất.

2. Trách nhiệm và nghĩa vụ của HĐQT

a. HĐQT chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động của Công ty, thực hiện chức năng định hướng chiến lược, giám sát thực hiện chiến lược phát triển của Công ty.

b. HĐQT chịu trách nhiệm đảm bảo hoạt động của Công ty tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều lệ, đối xử bình đẳng với mọi cổ đông và quan tâm đến lợi ích của những người có quyền lợi liên quan.

c. Trách nhiệm, quyền hạn và nghĩa vụ cụ thể của HĐQT được quy định trong Điều 27 của Điều lệ Công ty.

3. Thù lao của HĐQT:

a. Thành viên HĐQT (không tính các đại diện ủy quyền thay thế) được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên HĐQT. Tổng mức thù lao của HĐQT được ĐHCĐ thông qua hàng năm và công bố rõ ràng cho cổ đông. Thù lao cho HĐQT được liệt kê đầy đủ trong báo cáo tài chính được kiểm toán hàng năm

b. Thành viên HĐQT nắm giữ chức vụ điều hành (bao gồm cả chức vụ Chủ tịch hoặc Phó chủ tịch) hoặc thành viên HĐQT thực hiện các công việc khác mà theo quan điểm của HĐQT là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên HĐQT có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận, hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của HĐQT.

c. Thành viên HĐQT có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên HĐQT của mình, bao gồm các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp HĐQT, các tiểu ban của HĐQT hoặc ĐHCĐ.

Điều 16: Hợp HĐQT và biên bản họp HĐQT

1. Các quy định về triệu tập cuộc họp HĐQT, điều kiện hiệu lực, cách thức tiến hành, cách thức biểu quyết và tại cuộc họp HĐQT được quy định tại Điều 30 của Điều lệ Công ty.

2. Biên bản họp HĐQT được lập bằng tiếng Việt và phải có chữ ký của tất cả các thành viên HĐQT tham dự cuộc họp. Chủ tịch HĐQT có trách nhiệm chuyển biên bản họp HĐQT cho các thành viên và những biên bản đó sẽ phải được xem như những bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn 10 ngày kể từ khi chuyển đi. Tài liệu phục vụ họp HĐQT, biên bản cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 17: Thông qua Nghị quyết HĐQT

1. Biểu quyết tại cuộc họp: Mỗi thành viên HĐQT hoặc người thay thế thành viên HĐQT, và các người được ủy quyền hợp lệ tham dự họp sẽ có một phiếu biểu quyết. HĐQT sẽ thông qua các nghị quyết và ra quyết định bằng cách tuân theo ý kiến tán thành

của đa số thành viên HĐQT có mặt (trên 50%). Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, thì lá phiếu của Chủ tịch HĐQT sẽ là lá phiếu quyết định.

2. Thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản: Khi cần thiết, Chủ tịch HĐQT có thể quyết định lấy ý kiến các thành viên HĐQT có quyền biểu quyết bằng văn bản theo các thủ tục sau:

a. Gửi thông báo lấy ý kiến bằng văn bản kèm theo các tài liệu có liên quan đến việc thông qua Nghị quyết cho các thành viên HĐQT;

b. Các thành viên HĐQT biểu quyết các vấn đề theo yêu cầu của Chủ tịch HĐQT ghi trong Thông báo lấy ý kiến;

c. HĐQT kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của ít nhất một thành viên Ban kiểm soát và Chủ tịch HĐQT sẽ thông báo và gửi kết quả kiểm phiếu cho các thành viên HĐQT;

d. Các nghị quyết được thông qua khi có đa số thành viên HĐQT (trên 50%) gửi ý kiến nhất trí bằng văn bản. Trong trường hợp số ý kiến tán thành và phản đối ngang bằng nhau thì ý kiến của Chủ tịch HĐQT sẽ là ý kiến quyết định;

e. Căn cứ vào kết quả kiểm phiếu, Chủ tịch HĐQT thay mặt HĐQT ký ban hành Nghị quyết và Quyết định của HĐQT về các vấn đề đã được các thành viên HĐQT thông qua. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như một nghị quyết được các thành viên HĐQT thông qua tại một cuộc họp được triệu tập và tổ chức hợp lệ.

Điều 18: Thủ tục lựa chọn, bổ nhiệm và bãi nhiệm cán bộ quản lý cấp cao

1. HĐQT sẽ bổ nhiệm bằng một Nghị quyết được thông qua một cách hợp thức một Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các cán bộ quản lý cấp cao khác của Công ty. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc là năm (5) năm trừ khi HĐQT có qui định khác và có thể được tái bổ nhiệm.

2. HĐQT sẽ quyết định mức lương, tiền thù lao, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng giám đốc. Hợp đồng với các cán bộ quản lý cấp cao khác sẽ do HĐQT quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Tổng giám đốc.

3. HĐQT có thể bãi nhiệm Tổng giám đốc khi có từ hai phần ba thành viên HĐQT trở lên biểu quyết tán thành (trong trường hợp này không tính biểu quyết của Tổng giám đốc) và bổ nhiệm một Tổng giám đốc mới thay thế. Tổng giám đốc bị bãi nhiệm có quyền phản đối quyết định bãi nhiệm này tại ĐHĐCĐ tiếp theo gần nhất.

Điều 19: Bộ phận giúp việc cho Hội đồng quản trị:

1. Giúp việc cho Hội đồng quản trị có Văn phòng Hội đồng quản trị và có thể có các Tiểu ban. Khi cần thiết, Hội đồng quản trị có thể thuê các chuyên gia tư vấn độc lập bên ngoài để tư vấn thực hiện chức năng, nhiệm vụ của mình một cách hữu hiệu nhất.

2. Chánh Văn phòng Hội đồng quản trị là Thư ký Hội đồng quản trị có nhiệm vụ làm công tác hành chính, giúp việc cho Hội đồng quản trị và Chủ tịch Hội đồng quản trị. Thư ký Hội đồng quản trị không là thành viên Hội đồng quản trị, phải là người có hiểu

biết về pháp luật và hoạt động kinh doanh của Công ty. Thư ký Hội đồng quản trị có trách nhiệm bảo mật thông tin theo quy định của pháp luật và của Công ty.

3. Khi cần thiết, Hội đồng quản trị có thể thành lập các tiểu ban để hỗ trợ hoạt động của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể ủy quyền cho tiểu ban thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn của mình. Nếu không thành lập các tiểu ban thì Hội đồng quản trị có thể cử thành viên HĐQT phụ trách riêng về từng vấn đề như tài chính, kiểm toán; nhân sự - tiền lương.

CHƯƠNG IV

THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN KIỂM SOÁT

Điều 20: Thành viên BKS và thành phần BKS

1. Thành viên BKS là những người có đủ trình độ chuyên môn và kinh nghiệm để thực hiện các chức năng của mình. Tư cách thành viên BKS bị chấm dứt trong các trường hợp sau:

- a) Nếu thành viên đó bị luật pháp cấm thực hiện vai trò thành viên BKS;
- b) Nếu thành viên đó từ chức và gửi thông báo tới trụ sở chính của Công ty;
- c) Thành viên bị ảnh hưởng của sự rối loạn tâm thần và các thành viên khác của BKS nhận thấy thành viên đó không đủ năng lực hành vi;
- d) Nếu thành viên đó trong vòng (6) tháng liên tiếp vắng mặt trong các cuộc họp của BKS mà không được phép của BKS và BKS quyết nghị rằng vị trí của người đó bị bỏ trống;
- e) Thành viên đó bị cách chức thành viên BKS theo quyết định của ĐHĐCĐ Công ty.

2. Số lượng thành viên BKS ít nhất là ba (3) người và nhiều nhất là năm (05) người. Các thành viên BKS do ĐHĐCĐ bổ nhiệm, nhiệm kỳ của BKS không quá năm (5) năm và thành viên BKS có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Việc đề cử thành viên BKS được thực hiện theo qui định trong Điều 36.2 của Điều lệ Công ty.

3. Trong BKS phải có ít nhất một thành viên là người có chuyên môn về tài chính, kế toán. Thành viên này không phải là nhân viên trong bộ phận Kế toán, Tài chính của Công ty và không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

Điều 21: Quyền, trách nhiệm và thù lao của BKS

Thành viên BKS sẽ có các quyền, trách nhiệm và được hưởng thù lao theo như quy định tại Điều 123 của Luật Doanh nghiệp và Điều 36 của Điều lệ Công ty.

Điều 22: Quyền tiếp cận thông tin và tính độc lập của BKS

- Thành viên BKS có quyền tiếp cận với tất cả các thông tin và tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động của Công ty, kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật. Các thành viên

HĐQT, Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý phải cung cấp các thông tin theo yêu cầu của các thành viên BKS.

- Thành viên BKS có tính độc lập trong hoạt động và quá trình thực thi các nhiệm vụ theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

CHƯƠNG V

PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ - BAN KIỂM SOÁT - BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Điều 23: Thủ tục phối hợp giữa HĐQT, BKS và BTGD

1. Hội đồng quản trị

a. Chương trình, nội dung và dự kiến các vấn đề quyết nghị tại các cuộc họp của HĐQT phải được gửi đến các thành viên BKS cùng thời gian gửi tới các thành viên HĐQT. Các Nghị Quyết của HĐQT được gửi đến Ban giám đốc và đồng thời gửi đến BKS;

b. Chủ tịch HĐQT phải triệu tập họp HĐQT, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi có yêu cầu bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần xin ý kiến của:

- Tổng giám đốc hoặc ít nhất 5 cán bộ quản lý;
- Hai thành viên HĐQT;
- Đa số thành viên Ban kiểm soát.

2. Hoạt động giám sát của BKS

a. BKS chịu trách nhiệm trước cổ đông của Công ty về các hoạt động giám sát của mình. BKS có trách nhiệm giám sát tình hình tài chính của Công ty, tính hợp pháp trong các hành động của thành viên HĐQT, Ban Tổng giám đốc, Cán bộ quản lý, sự phối hợp giữa HĐQT với BKS, BTGD và cổ đông, các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật, của Điều lệ Công ty nhằm bảo vệ quyền lợi hợp pháp/cao nhất của Công ty và các cổ đông.

b. HĐQT, Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý phải cung cấp tất cả các thông tin và tài liệu liên quan đến hoạt động của Công ty, chủ yếu là:

- Thông báo mời họp cùng tài liệu liên quan, phiếu lấy ý kiến thành viên HĐQT;
- Biên bản, Nghị Quyết của HĐQT.
- Báo cáo của Tổng Giám đốc;
- Thông tin, tài liệu về quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh;
- Báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính định kỳ hàng năm, 6 tháng và hàng quý của Công ty;
- Báo cáo đánh giá công tác quản lý của HĐQT.

c. Trong các cuộc họp của BKS, BKS có quyền yêu cầu thành viên HĐQT, thành viên Ban Tổng giám đốc, thành viên kiểm toán độc lập tham gia và trả lời các vấn đề BKS quan tâm.

d. Căn cứ vào các báo cáo.

e. Trong trường hợp có dấu hiệu vi phạm pháp luật, Điều lệ Công ty và có thể gây thiệt hại lớn về vật chất, uy tín của Công ty, BKS có quyền đề nghị Tổng giám đốc dừng ngay việc thực hiện các quyết định đó. Trong vòng 24 giờ kể từ khi yêu cầu, BKS phải thông báo ý kiến của BKS với các thành viên HĐQT. Chủ tịch HĐQT sẽ ra thông báo về việc thực hiện quyết định của Tổng giám đốc.

f. Kiến nghị và/hoặc đánh giá hoạt động của Ban Tổng giám đốc 6 tháng một lần để trình Chủ tịch HĐQT.

g. BKS có thể báo cáo trực tiếp lên Ủy ban Chứng khoán Nhà nước hoặc các cơ quan quản lý Nhà nước khác trong trường hợp phát hiện các hành vi được cho là vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Công ty của các thành viên HĐQT, Ban Tổng giám đốc hoặc các Cán bộ Quản lý.

h. BKS có nghĩa vụ bảo mật tuyệt đối các thông tin thu được trong quá trình giám sát hoạt động Công ty. Việc tiết lộ các thông tin này chỉ khi có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền hoặc được sự đồng ý của ĐHCĐ.

3. Ban Tổng giám đốc

Báo cáo HĐQT và BKS về việc thực hiện các nghị quyết của ĐHCĐ, HĐQT, báo cáo thực hiện các nhiệm vụ kinh doanh, điều hành Công ty và các báo cáo khác theo yêu cầu cụ thể của HĐQT hoặc BKS.

CHƯƠNG VI NGĂN NGỪA XUNG ĐỘT LỢI ÍCH VÀ GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN CÓ QUYỀN LỢI LIÊN QUAN ĐẾN CÔNG TY

Điều 24: Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi của các thành viên HĐQT, Ban Tổng giám đốc

1. Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc, cán bộ quản lý và những người liên quan không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.

2. Trong trường hợp các thành viên HĐQT trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết mình có lợi ích trong đó sẽ phải công khai bản chất, nội dung của quyền lợi trong cuộc họp HĐQT lần đầu tiên xem xét vấn đề ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Những đối tượng này được tiếp tục thực hiện hợp đồng khi các thành viên HĐQT không có lợi ích liên quan đã quyết định không truy cứu vấn đề này.

3. Công ty không được phép cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng giám đốc, cán bộ quản lý và những người có liên quan hoặc bất kỳ pháp nhân nào mà các đối tượng trên có các lợi ích tài chính, trừ khi ĐHĐCĐ có quyết định khác.

4. Thành viên HĐQT không được biểu quyết đối với các giao dịch mà thành viên đó hoặc người có liên quan đến thành viên đó tham gia, kể cả trong trường hợp lợi ích của thành viên HĐQT trong giao dịch này chưa được xác định và cho dù đó là lợi ích vật chất hay phi vật chất. Các giao dịch nêu trên phải được trình bày trong Thuyết minh báo cáo tài chính cùng kỳ và công bố trong Báo cáo thường niên.

5. Các thành viên HĐQT, Tổng giám đốc, cán bộ quản lý hay người có liên quan với các đối tượng trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Công ty để tiết lộ cho người khác hay để tự mình tiến hành các giao dịch có liên quan.

6. Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc, các cán bộ quản lý hay người có liên quan của họ không được phép mua hay bán hoặc giao dịch theo bất cứ hình thức nào khác các cổ phiếu của Công ty hoặc các công ty con của Công ty vào thời điểm họ có được các thông tin chắc chắn sẽ gây ảnh hưởng đến giá của những cổ phiếu đó và các cổ đông khác lại không biết các thông tin này.

Điều 25: Giao dịch với bên có liên quan

1. Khi tiến hành giao dịch với những người có liên quan, Công ty phải ký kết hợp đồng bằng văn bản theo nguyên tắc bình đẳng, tự nguyện. Nội dung hợp đồng phải rõ ràng, cụ thể. Các điều khoản ký kết, bổ sung sửa đổi, thời hạn hiệu lực, giá cả cũng như căn cứ xác định giá cả của hợp đồng phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật.

2. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên HĐQT, TGD điều hành, cán bộ quản lý, hoặc những người liên quan đến họ hoặc công ty, đối tác, hiệp hội hoặc tổ chức mà một hoặc nhiều thành viên HĐQT, cán bộ quản lý hoặc những người có liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính, sẽ không bị vô hiệu hóa vì những mối quan hệ vừa nêu, hoặc vì thành viên HĐQT đó hoặc cán bộ quản lý đó có mặt hoặc tham gia vào cuộc họp liên quan hoặc vào HĐQT hay tiêu ban đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch, hoặc vì những phiếu bầu của họ cũng được tính khi biểu quyết về mục đích đó, nếu:

a. Đối với HĐ có giá trị từ dưới 20% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, các yếu tố quan trọng trong hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của cán bộ quản lý hoặc thành viên HĐQT đã được báo cáo HĐQT hoặc tiêu ban liên quan. Đồng thời, HĐQT hoặc tiêu ban đó đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên HĐQT không có lợi ích liên quan, hoặc;

b. Đối với những hợp đồng có giá trị lớn hơn 20% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, các yếu tố quan trọng cũng như mối quan hệ và lợi ích của cán bộ quản lý và thành viên HĐQT đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó và những cổ đông đó đã bỏ phiếu tán

thành hợp đồng hoặc giao dịch này;

c. Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của Công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được HĐQT hoặc một tiểu ban trực thuộc HĐQT hay các cổ đông cho phép thực hiện, thông qua hoặc phê chuẩn.

Điều 26: Đảm bảo quyền hợp pháp của những người có quyền lợi liên quan đến Công ty.

1. Công ty cam kết tôn trọng quyền lợi hợp pháp của những người có quyền lợi liên quan đến Công ty bao gồm ngân hàng, chủ nợ, người lao động, khách hàng, đối tác, cộng đồng và những người khác có quyền lợi liên quan đến Công ty.

2. Công ty luôn tôn trọng và hợp tác tích cực với những người có quyền lợi liên quan đến Công ty thông qua việc:

a. Cung cấp đầy đủ thông tin cần thiết để giúp họ đánh giá về tình hình hoạt động và tài chính của Công ty và đưa ra quyết định;

b. Khuyến khích họ đưa ra ý kiến về tình hình hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính và các quyết định quan trọng liên quan tới lợi ích của họ thông qua liên hệ trực tiếp với HĐQT, Ban giám đốc và BKS.

3. Là một doanh nghiệp hoạt động tại Việt Nam, các vấn đề về phúc lợi, bảo vệ môi trường, lợi ích chung của cộng đồng, và trách nhiệm xã hội của công ty được Công ty đặt làm một trong những chính sách quan trọng của Công ty bên cạnh các chính sách điều hành kinh doanh khác.

4. Công ty sẽ bồi thường cho những người đã, đang và có nguy cơ trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố đã, đang hoặc có thể sẽ được tiến hành nếu họ đã hoặc đang là thành viên HĐQT, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc đại diện của Công ty nếu những người này hành động trung thực, cẩn trọng với năng lực chuyên môn theo phương thức mà người đó tin tưởng rằng đó là vì lợi ích hoặc không chống lại lợi ích cao nhất của Công ty trên cơ sở tuân thủ luật pháp.

Những chi phí được bồi thường bao gồm: chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là mức hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có quyền mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

CHƯƠNG VII CÔNG BỐ THÔNG TIN VÀ MINH BẠCH

Điều 27: Công bố thông tin và tổ chức việc công bố thông tin

1. Công ty có nghĩa vụ công bố đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin định kỳ và bất thường về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, tài chính và tình hình quản trị Công ty cho cổ đông và công chúng phù hợp với yêu cầu công bố thông tin của Ủy ban

chứng khoán nhà nước và của luật pháp.

2. Việc công bố thông tin được thực hiện theo những phương thức nhằm đảm bảo cổ đông và công chúng đầu tư có thể tiếp cận một cách công bằng và đồng thời. Ngôn từ trong công bố thông tin cần rõ ràng, dễ hiểu và tránh gây hiểu lầm cho cổ đông và công chúng đầu tư.

3. Việc tổ chức thực hiện công bố thông tin của Công ty tuân theo Quy chế về công bố thông tin của Công ty.

4. Tổng giám đốc ra quyết định cử cán bộ chuyên trách về công bố thông tin cùng với họ tên, chức danh, số fax, điện thoại liên hệ cụ thể.

CHƯƠNG VIII CƠ CHẾ GIÁM SÁT VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 28: Giám sát

Công ty, các cá nhân và tổ chức liên quan và các cổ đông Công ty phải chịu sự giám sát về quản trị Công ty của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và các cơ quan có thẩm quyền khác theo quy định hiện hành của pháp luật.

Ban Tổng giám đốc tổ chức việc phổ biến và giám sát thực hiện nội quy của Công ty cũng như các quy định nội bộ đến từng nhân viên.

Điều 29: Xử lý vi phạm

Trong trường hợp Công ty vi phạm hoặc không thực hiện quy định tại quy chế này mà không công bố thông tin và báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước theo quy định sẽ phải chịu trách nhiệm và bị xử phạt vi phạm hành chính theo quy định tại nghị định về xử phạt hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Các trường hợp vi phạm khác, căn cứ theo nội quy lao động và các quy định nội bộ về chế độ khen thưởng và xử phạt của Công ty để xử lý. Việc xử lý vi phạm phải tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật, phù hợp với Điều lệ công ty và các quy định nội bộ khác.

CHƯƠNG IX ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 30: Những quy định về quản trị Công ty không có trong quy chế này được thực hiện theo Pháp lệnh, Nghị định, Thông tư hướng dẫn hiện hành.

Điều 31: Quy chế này có hiệu lực thi hành kể từ ngày Hội đồng quản trị Công ty cổ phần đầu tư và xây lắp khí ký ban hành.

Trong quá trình thực hiện nếu có những vấn đề cần sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với quy định của Nhà nước, tình hình hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty, Tổng giám đốc có trách nhiệm trình Hội đồng quản trị Công ty xem xét quyết định./.

Quy chế này có thể được bổ sung sửa đổi trong quá trình thực hiện cho phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty theo từng thời kỳ, mọi sửa đổi bổ sung quy chế chỉ có hiệu lực thi hành sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt.

Quy chế này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Các quy định trước đây trái với quy chế này đều được bãi bỏ ./.

**T/M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



CHỦ TỊCH

Lê Kiến Dũng